

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 23-03-2021

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Xuân Đính

Bà Lương Thị Thu An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Sa – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2020/TB-TLVA ngày 10/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST ngày 01/3/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Ánh L, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu phố 3, thị trấn Chơn T, huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước.

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Ấp Hiếu C, thị trấn Chơn T, huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Đặng Công M, sinh năm 1960;

3.2. Ông Đặng Công D, sinh năm 1984;

3.3. Bà Đặng Ngọc D, sinh năm 1982;

3.4. Bà Đặng Ngọc G, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Hiếu C, thị trấn Chơn T, huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Ánh L trình bày:**

Vào ngày 10/8/2020 âm lịch (tức ngày 26/10/2020 ngày dương lịch) bà Trần Thị Ánh L cho bà Nguyễn Ngọc H mượn số tiền 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Khi mượn tiền, bà H có làm giấy nợ và hẹn 02 tháng đến ngày

10/10/2020 ngày âm lịch thì trả đủ số tiền mượn 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Việc bà L cho bà H mượn tiền là không có tính tiền lãi suất. Đến thời hạn trả tiền bà L yêu cầu bà H trả tiền thì bà H hẹn nhưng không trả. Bà L cho bà H vay tiền không cầm giữ tài sản gì, chỉ giữ 01 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H, bà H hứa khi chuyển nhượng được đất sẽ trả tiền và có nhờ bà L giới thiệu người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tại phiên Tòa, bà Trần Thị Ánh L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H phải trả số tiền là 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) làm 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:***

Bà H có vay tiền của bà L nhiều lần từ 05 năm về trước số tiền nợ gốc 165.000.000đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), lãi 5%/tháng và đến ngày 10/8/2020 âm lịch thì vừa gốc và lãi là số tiền nợ 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Bà H có ký vào giấy nhận nợ ngày 10/8/2020 âm lịch và hẹn trong vòng 02 tháng thì trả hết nợ nhưng sau đó thì không chuyển nhượng được đất nên không có tiền trả cho bà L. Trong giấy nợ ngày 10/8/2020 âm lịch thì không tính lãi. Việc mượn tiền trước đây không có làm giấy tờ mà bà L chỉ ghi trong sổ bà L và trả tiền lãi cũng vậy. Bà H không có giấy tờ gì để cung cấp việc mượn tiền trước đây cũng như việc bà H trả lãi Hng tháng cho bà L với lãi suất 5%/tháng. Mục đích bà H vay tiền bà L để dùng trong sinh hoạt chung của gia đình gồm chồng và các con, cháu trong nhà. Khi vay tiền thì ông Trần Công M, chồng bà H không biết nhưng các con là Đặng Công D, Đặng Ngọc D và Đặng Ngọc G đều biết. Bà H đồng ý trả gò nợ gốc 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) cho bà L nhưng do kinh tế gia đình đang khó khăn nên bà H xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) đến khi trả hết nợ. Các con của bà H cũng thống nhất phụ giúp mẹ trả nợ cho bà L.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công M trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông M có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.***

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công D, bà Trần Ngọc G và bà Trần Ngọc D trong quá trình giải quyết vụ án có văn bản trình bày ý kiến như sau:***

Ông Trần Công D, bà Trần Ngọc G và bà Trần Ngọc Dg là con ruột của ông Đặng Công M và bà Nguyễn Ngọc H. Ông D, bà G và bà D đều biết bà H có vay tiền của bà L về dùng chung trong sinh hoạt của gia đình nhưng bà H vay bao nhiêu tiền thì không rõ chỉ nghe bà H nói lại. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số nợ 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Ông D, bà G và bà Dung xin cho bà H trả dần và sẽ phụ giúp bà H tiền trả nợ cho bà L.

Ông D, bà G và bà D đều có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào khác.

Bị đơn có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm ở những nội dung sau: Tuân thủ đúng quy định pháp luật về nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, sự có mặt của các thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Ngọc H phải trả cho bà Trần Thị Ánh L số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Bà L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Về án phí: Xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và thông qua thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H phải trả số tiền vay gốc 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại các Điều 471, 478 Bộ Luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc H có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại: Ấp Hiếu Cẩm, thị trấn Chơn T, huyện Chơn Th do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn THnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo giấy nợ ngày 10/8/2020, thời hạn trả nợ là 10/10/2020 tính đến ngày nguyên đơn

khởi kiện đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 154, 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4]. Về sự có mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm: Ông Đặng Công M, ông Đặng Công D, bà Đặng Ngọc G và bà Đặng Ngọc D vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh L, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà L và bà H đều thống nhất bà H cùng chồng là ông Đặng Công M và các con là ông Đặng Công D, bà Đặng Ngọc G và bà Đặng Ngọc D đồng ý trả số nợ 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) cho bà L theo “Giấy nợ viết tay đề ngày 10/8/2020 âm lịch” nhưng trong thời hạn 07 ngày những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên hòa giải là ông M, ông D, bà G và bà D không có ý kiến đối với thỏa thuận trong biên bản hòa giải tHnh ngày 20/01/2021 nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2.2]. Tại phiên tòa hôm nay bà H đồng ý trả số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) cho bà L nhưng do hiện đang khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ nhưng bà L không đồng ý và bà L yêu cầu trả tiền làm 01 lần hết số tiền nợ là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn bà L có cho bị đơn bà H vay số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), hai bên có làm giấy viết tay vay tiền đề ngày 10/8/2020 âm lịch, thời hạn là 2 tháng sau trả (tức đến 10/10/2020 âm lịch). Bà H cũng thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền do bà L viết. Do đó có căn cứ để khẳng định việc bà L cho bà H vay tiền là có thật, được các bên thừa nhận. Do đó, nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền đã vay là có cơ sở.

[2.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà H cho rằng chỉ vay số tiền nợ gốc 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) từ 5 năm về trước (tức năm 2015), lãi suất 5%/tháng, bà H trả lãi Hng tháng đã trả được 7.500.000 đồng đến năm 2020 không trả được lãi nữa nên bà L cộng nợ gốc và lãi lại tHnh khoản nợ 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Trình bày của bị đơn bà H không được nguyên đơn bà L thừa nhận và bà H cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở nên không được xem xét, giải quyết.

*Xét nghĩa vụ trả nợ:* Các đương sự đều thừa nhận khi bà H vay tiền của bà L thì ông M không biết, nhưng các con của ông M, bà H biết việc bà H vay tiền của bà L để sử dụng chung trong gia đình nên căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân gia

đình năm 2014, Điều 103, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông M cùng các con là ông D, bà G và bà D phải cùng bà H trả nợ cho bà L.

*Về phương thức trả nợ:* Bà H đồng ý trả số nợ gốc là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) cho bà L nhưng do hiện đang khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ. Bà L không đồng ý cho bà H trả tiền làm nhiều lần mà yêu cầu bà H trả số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) làm một lần. Xét thấy, bà H vay tiền của bà L có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 02 tháng. Đến nay đã quá thời hạn phải trả nợ mà bà H không trả do đó để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cần buộc bà H cùng ông M và ông D, bà G và bà D phải liên đới trả nợ cho bà L một lần số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng. Bị đơn bà H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M và ông D, bà G và bà D liên đới phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà L là 230.000.000 đồng  $\times 5\% = 11.500.000$  đồng. Do gia đình bà H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được UBND thị trấn Chơn T xác nhận nên được giảm 50% án phí; bà H, ông M, ông D, bà G và bà D còn phải liên đới chịu 5.750.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, 70; khoản 1, khoản 4 Điều 91; Điều 144; Điều 147; Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 103, 288, 351, 353, 357, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 30, 37 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh L.

Buộc bà Nguyễn Ngọc H, ông Đặng Công M, ông Đặng Công D, bà Đặng Ngọc G và bà Đặng Ngọc D cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Ánh L số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc H, ông Đặng Công M, ông Đặng Công D, bà Đặng Ngọc G và bà Đặng Ngọc D liên đới nộp 5.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Ánh L số tiền 5.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002674 ngày 10/12/2020 tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Võ Văn Vân**